

Phần Thứ Mười Bốn: XỬ CỦA CHÍN KIẾT

Chín kiết gồm: Kiết ái, kiết giận dữ, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết mất nguyện, kiết nghi, kiết keo kiệt, kiết ganh ghét.

Hỏi: Chín kiết có tính chất gì?

Đáp: Kiết ái, ba cõi năm thứ là mười lăm thứ. Kiết mạn, kiết vô minh cũng vậy. Kiết giận dữ, năm thứ thân sáu thức. Kiết kiến có mười tám thứ. Kiết mất nguyện cũng vậy. Kiết nghi, ba cõi bốn thứ là mười hai thứ. Kiết keo kiệt, ganh ghét, do tư duy ở cõi Dục mà đoạn. Một trăm thứ này là tính chất của chín kiết. Tánh của kiết ấy đã gieo trồng nơi thân nên hiện có một cách tự nhiên.

Đã nói về tánh của kiết xong, kế là nói về hành.

Hỏi: Vì sao nói kiết? Kiết có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa ràng buộc là nghĩa của kiết. Nghĩa trói buộc nơi khổ là nghĩa của kiết. Nghĩa nhiễm tạp độc là nghĩa của kiết.

Nghĩa ràng buộc là nghĩa của kiết: Sự ràng buộc là kiết, kiết là sự ràng buộc.

Hỏi: Làm sao biết?

Đáp: Do có Khế kinh. Khế kinh nói: Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: Thế nào? Hiền giả Câu-hy-la! Mắt trói buộc sắc, hay sắc trói buộc mắt? Đáp: Tôn giả Xá-lợi-phất! Mắt không trói buộc sắc, sắc không trói buộc mắt, cho đến ý, pháp, bất ý không trói buộc pháp, pháp không trói buộc ý. Chỉ trong trường hợp này, nếu có dâm, có dục, mới là sự trói buộc. Tôn giả Xá-lợi-phất! Ví như có hai con bò: một đen, một trắng, bị trói bằng một chiếc ách, một sợi dây. Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có thuyết nói thế này: Con bò đen trói con bò trắng, bò trắng trói bò đen. Tôn giả Xá-lợi-phất! Thuyết kia nói có hợp lý không? Đáp: Không! Hiền giả Câu-hy-la hỏi: Vì sao? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Hiền giả Câu-hy-la! Chẳng phải con bò đen trói con bò trắng, chẳng phải con bò trắng trói con bò đen, mà chỉ do chiếc ách, sợi dây đã trói chúng lại. Cũng thế, Tôn giả Xá-lợi-phất! Không phải mắt trói buộc sắc, không phải sắc trói buộc mắt, cho đến ý, pháp, bất ý trói buộc pháp, không là pháp trói buộc ý. Chỉ trong ấy, nếu có dâm, có dục, mới là sự trói buộc. Ở đây nói, nghĩa trói buộc là nghĩa của kiết.

Nghĩa trói buộc với khổ là nghĩa của kiết: Chúng sinh cõi Dục bị kiết cõi Dục trói buộc trong khổ cõi Dục, chúng sinh cõi Sắc bị kiết cõi Sắc trói buộc trong khổ cõi Sắc, chúng sinh cõi Vô Sắc bị trói buộc trong khổ cõi Vô Sắc. Các kiết của cõi Dục, kiết đó là hình tướng của

sự trói buộc, trói buộc trong đau khổ, không phải niềm vui. Kiệt của cõi Sắc, Vô Sắc, kiết đó là hình tướng của sự trói buộc, trói buộc trong đau khổ, không phải niềm vui. Đây là nói nghĩa trói buộc nơi khổ là nghĩa của kiết.

Nghĩa tạp độc của kiết là nghĩa của kiết: Chánh thọ của thế tục chọn nơi sinh sự mầu nhiệm, như giải thoát, trừ tất cả nhập. Bạc Thánh loại trừ chỗ tạp độc của kiết. Như thức ăn thượng diệu có lẫn chất độc, người trí tuệ có thể loại bỏ chất độc ấy ra. Cũng thế, sanh về chỗ rất tốt đẹp là chánh thọ của thế tục, bậc thánh có khả năng trừ được tạp độc của kiết. Nên ở đây nói nghĩa trói buộc là nghĩa của kiết, nghĩa trói buộc nơi khổ là nghĩa của kiết, nghĩa nhiễm tạp độc là nghĩa của kiết.

Đã nói về hành chung, kế là nói riêng về hành.

Kiết ái là thế nào?

Đáp: Ái của ba cõi.

Hỏi: Vì sao ái cõi Dục trong sử thì lập sử dục, ái của cõi Sắc, Vô Sắc lại lập sử hữu? Như thế, trong Khế kinh khác đã nói ba ái: Ái của cõi Dục, ái của cõi Sắc, ái của cõi Vô Sắc. Như thế trong Khế kinh khác nói ba ái: Ái cõi Dục, ái cõi Sắc, ái cõi Vô Sắc. Vì sao? Vì Khế kinh này nói tất cả ái của ba cõi đều được lập trong một kiết ái. Vì sao?

Đáp: Phật, Thế Tôn nói pháp chân đế, ngoài pháp này ra các pháp khác không thể vượt qua. Đức Phật hiểu biết tường tận về pháp tướng, biết hết các hành, nghĩa là pháp riêng có thể đảm nhận sự độc lập ấy, hoặc không thể gánh vác một mình để lập phẩm kia.

Hoặc nói: Đức Thế Tôn giáo hóa, tùy theo chúng sinh căn tánh lạnh lợi, hoặc căn trung bình, hoặc căn yếu kém.

Người căn có lạnh lợi: Tất cả ái của ba cõi đều là một kiết ái.

Người căn có bậc trung: Nói hai ái, như ái của cõi Dục trong sử, lập sử dục, ái của cõi Sắc, Vô Sắc, lập sử hữu.

Người căn yếu kém: Nói ba ái, như nói ba ái: ái của cõi Dục, ái của cõi Sắc, ái của cõi Vô Sắc.

Hoặc nói: Lại nữa, Đức Thế Tôn giáo hóa, hoặc muốn nói lược, hoặc muốn nói rộng, hoặc muốn nói vừa lược vừa rộng. Nghĩa là muốn nói lược: ái của ba cõi kia nói một kiết ái. Muốn nói rộng: Đức Phật nói ba ái, như nói ba ái: ái của cõi Dục, ái của cõi Sắc, ái của cõi Vô Sắc. Nói vừa lược vừa rộng: Đức Phật nói hai ái, như ái của cõi Dục trong sử, lập sử dục, ái của cõi Sắc, cõi Vô Sắc, thì lập sử hữu.

Hoặc nói: Lại nữa, Đức Thế Tôn giáo hóa, hoặc bắt đầu thực hành, đối với chúng sinh ít tập thực hành, hoặc thực hành thành thực. Bắt đầu

thực hành: Đức Phật nói ba ái, như ba ái đã nói: Ái của cõi Dục, ái của cõi Sắc, ái của cõi Vô Sắc. Ít tập thực hành. Đức Phật nói hai ái, như ái của cõi Dục trong sử, lập sử dục, ái của cõi Sắc, cõi Vô Sắc, thì lập sử hữu. Thực hành thành thực: Phật nói ái của ba cõi kia là nói một kiết ái.

Hoặc nói: Trước kia đã nói trói buộc nơi khổ là nghĩa của kiết cõi Dục, là hình tướng của sự trói buộc, trói buộc trong khổ, chẳng phải niềm vui. Nghĩa là ái của cõi Sắc, Vô Sắc, tất cả tướng của sự trói buộc kia, trói buộc trong nỗi khổ, không phải niềm vui, vì cùng một tướng, cho nên Đức Thế Tôn đã lập kiết ái, tất cả ái của ba cõi.

Hỏi: Kiết giận dữ là thế nào?

Đáp: Khởi ác đối với chúng sinh.

Hỏi: Như đối với phi chúng sinh cũng khởi ác, Vì sao chỉ nói khởi ác đối với chúng sinh?

Đáp: Do chúng sinh khởi ác, đối với phi chúng sinh cũng khởi ác.

Hoặc nói: Vì nhiều, nên phần nhiều do chúng sinh khởi ác, một ít phi chúng sinh.

Hoặc nói: Vì phần nhiều tăng thêm điều ác, nên phần nhiều tăng thêm điều ác đối với chúng sinh khởi ác, ít tăng thêm ác đối với phi chúng sinh.

Hỏi: Kiết mạn thì thế nào?

Đáp: Bấy mạn gọi là kiết mạn. Bấy mạn là: Mạn, tăng thượng mạn, mạn tăng mạn, ngã mạn, khi mạn, bất như mạn và tà mạn. Bấy mạn này gọi là kiết mạn.

Hỏi: Kiết vô minh thì thế nào?

Đáp: Ba cõi không có sự nhận biết.

Hỏi: Kiết kiến thì ra sao?

Đáp: Ba kiến gọi là kiết kiến, Ba kiến là thân kiến, biên kiến, tà kiến, ba kiến này được gọi là kiết kiến.

Hỏi: Kiết mất nguyện là thế nào?

Đáp: Hai trộm gọi là kiết mất nguyện. Hai trộm là kiến đạo và giới đạo. Hai thứ trộm ấy gọi là kiết mất nguyện.

Hỏi: Vì sao năm kiến trong sử thì lập một sử kiến, hai kiến trong kiết lại lập kiết kiến? Hai kiến thì lập kiết mất nguyện?

Đáp: Phật, Thế Tôn nói pháp chân đế, ngoài pháp này không pháp nào có thể vượt qua. Phật biết rõ về pháp tướng, biết hết các hành. Nghĩa là pháp có thể đảm trách một mình thì pháp đó được lập riêng, không thể đảm trách riêng thì pháp đó lập theo phẩm loại.

Hoặc nói: Trước đã nói sự trói buộc nơi khổ là nghĩa của kiết. Như nói thân kiến kia là trong sự khổ trói buộc với người nữ, chẳng phải niềm vui. Như nói biên kiến và tà kiến, kiến ấy cũng là trong sự khổ trói buộc với người nữ, không phải niềm vui tức là bằng nhau, cùng chung một tên, một họ, nên ba thứ ấy lập một kiết kiến. Như nói giới đạo (trộm giới) là trong sự khổ trói buộc của giới, chẳng phải niềm vui. Như nói kiến đạo, cũng là trong sự khổ trói buộc của giới, không phải niềm vui. Vì là chung một tên gọi, một họ, nên hai kiến này lập thành một kiết mất nguyên.

Hoặc nói: Tức là chủng loại bằng nhau, sự gồm thâu cũng bằng nhau. Chủng loại nhiều bằng nhau, nghĩa là kiết kiến có mười tám thứ, kiết mất nguyên cũng có mười tám thứ. Sự gồm thâu bằng nhau, nghĩa là kiết kiến gồm thâu mười tám sử, kiết mất nguyên cũng gồm thâu mười tám sử. Tức chủng loại của kiết kia bằng nhau, sự gồm thâu cũng bằng nhau. Vì thế cho nên ba kiến trong kiết, được lập kiết kiến, hai kiến kia được lập kiết mất nguyên.

Hỏi: Kiết nghi thì thế nào?

Đáp: Do dự đối với đố.

Hỏi: Vì sao tạo ra thuyết này, do dự đối với đố?

Đáp: Người không quyết định, vì muốn cho họ quyết định. Muốn cho họ được quyết định: Nếu nhìn thấy từ xa, nảy sinh ý nghĩ do dự: Chẳng biết có phải là người nữ hay không? Có phải chẳng biết có phải là người nam hay không? Thấy hai con đường bèn sinh do dự: Chẳng biết đây có phải là con đường hay không?

Thấy hai chiếc áo, sinh ra do dự: Chẳng biết đây có phải là chiếc áo của ta hay không? Đừng nghĩ như thế. Vì đây là kiết nghi căn bản, đây là hành tướng tà vạy có tính cách không mất đi, vô ký của cõi Dục. Tức vì chúng sinh bất định mà nói khiến được định.

Hỏi: Thế nào là kiết nghi?

Đáp: Thái độ do dự đối với chân lý (đố), đây gọi là kiết nghi căn bản.

Hỏi: Kiết ganh ghét (tật) là sao?

Đáp: Là tâm giận dữ, tâm giận dữ là tướng giận dữ của kiết này.

Hỏi: Kiết keo kiệt là thế nào?

Đáp: Tâm không muốn rời bỏ. Tâm không muốn buông bỏ: Đây là tướng tham của kiết.

Hỏi: Vì sao tạo ra thuyết này?

Đáp: Vì đối với người không phân định rõ muốn cho họ phân định

rõ. Muốn cho họ phân định rõ: Là tướng ganh ghét trong sự keo kiệt, tướng keo kiệt trong sự ganh ghét.

Tướng keo kiệt trong sự ganh ghét là gì? Như thấy vật tốt đẹp của người khác mà khởi ganh ghét với vật của người khác, cho vật ấy tốt đẹp hơn vật của ta. Người thế gian thấy vậy nghĩ rằng: Người này rất keo kiệt, trong khi người ấy không phải keo kiệt, đó là sự ganh ghét.

Tướng ganh ghét trong sự keo kiệt: Như gìn giữ tài sản báu, vợ con của mình. Vật này ở trong đây, chớ để phát ra. Vật này ở trong đây, chớ nên xuất phát, người thế gian thấy vậy nghĩ rằng: Người này rất ganh ghét trong khi họ không phải ganh ghét, đó là sự keo kiệt. Tức là người kia vì không phân định rõ: Tướng keo kiệt trong sự ganh ghét, tướng ganh ghét trong sự keo kiệt, nên nói: Vì muốn cho họ phân định rõ.

Hỏi: Thế nào là kiết ganh ghét?

Đáp: Là tâm giận dữ, tâm giận dữ là tướng giận dữ của kiết này.

Hỏi: Thế nào là kiết keo kiệt?

Đáp: Tâm không muốn xả bỏ, tâm không muốn xả bỏ là tướng tham của kiết này.

Hỏi: Vì sao sự keo kiệt, ganh ghét của mười triều được lập trong chín kiết, triều khác không lập?

Đáp: Phật, Thế Tôn nói pháp chân đế, ngoài pháp này không pháp nào có thể vượt qua. Đức Phật đã biết hết về pháp tướng, biết rõ các hành, nói là có tướng kiết thì lập trong kiết, không có tướng kiết thì không lập trong kiết.

Hoặc nói: Hiện rõ phần sau, hiện rõ một bên, mười triều kia vì sao gọi là sau? Sao gọi là bên? Là do keo kiệt, ganh ghét.

Vì thế cho nên sự keo kiệt, ganh ghét trong mười triều được lập trong chín kiết, còn các triều khác không lập.

Hoặc nói: Nghĩa là kiết thấp kém, kiết hèn kém, kiết ô uế, kiết tệ hại, xấu xa. Như thấy người khác được cung kính, cúng dường, thì vì sao thấy vậy lại khởi tâm ganh ghét? Nếu có trăm ngàn vô lượng tiền của, trong đó không thể giữ được một tiền. Từ đời nay đến đời sau, trong ấy vì sao dấy khởi keo kiệt? Dấy gọi là kiết xấu xa, kiết như bản, kiết hèn hạ, kiết thấp kém. Thế nên sự keo kiệt, ganh ghét trong mười triều được lập trong chín kiết, không lập trong các triều khác.

Hoặc nói: Nghĩa là do tánh keo kiệt, ganh ghét này mà chúng sinh trong cõi sinh tử đã phải bị vô lượng sự khinh rẻ. Thế gian có hai điều bị khinh rẻ:

1. Nghèo cùng.

2. Xấu xí, hủ lậu.

Gây ra kiết ganh ghét, nhiều thì xấu xí. Gây ra kiết keo kiệt, nhiều thì nghèo cùng. Hai hạng nghèo cùng, xấu xí này, cha mẹ khinh dể, anh em, chị em cũng khinh dể, thậm chí vợ con cũng khinh thường. Vì lý do ấy, nên sự keo kiệt, ganh ghét trong mười nghìn được lập trong chín kiết, không lập các nghìn khác.

Hoặc nói: Nghĩa là sự keo kiệt, ganh ghét này, như lính giữ cửa ngục, như chúng sinh bị trói buộc trong ngục, lập ra hai lính ngục giữ cổng, sao cho người tù không trốn được. Như vườn tược rất trang nghiêm, sửa sang xong, cất hai người giữ cổng, không cho ai vào. Cũng vậy, chúng sinh này không thể ra khỏi cõi ác, như người bị tù. Vì keo kiệt, ganh ghét, nên không vào được cõi trời coi người, như vào vườn tược là do keo kiệt, ganh ghét. Vì thế cho nên sự keo kiệt, ganh ghét nơi mười nghìn được lập trong chín kiết, không lập các nghìn khác.

Hoặc nói: Do sự keo kiệt, ganh ghét nên trời, A-tu-la thường thường chiến đấu với nhau. Như Khế kinh nói: Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ Đức Thế Tôn bạch rằng: Bạch đáng Đại Tiên! Trời, người, A-tu-la, Kiền-đạp-hòa, Ca-lưu-la, La-sát, như thế và các loài thân khác nhau có bao nhiêu kiết?

Đức Thế Tôn bảo Thích-đề-hoàn-nhân: Câu Dục! Trời, người, A-tu-la, Kiền-đạp-hòa, Ca-lưu-la, La-sát, mỗi loài đối với thân khác nhau có hai kiết: Keo kiệt và ganh ghét.

Hỏi: Như ở đây trời và người hoặc chín kiết, hoặc sáu kiết, hoặc ba kiết, hoặc không có kiết. Có chín kiết là tất cả phạm phu. Có sáu kiết như phạm phu đã dứt hết ái dục và như bậc Thánh chưa diệt hết ái dục. Có ba kiết tức như bậc Thánh đã dứt hết ái dục.

Không có kiết như A-la-hán. Trời và người đã thành tựu riêng hai thứ kiết: keo kiệt và ganh ghét. Vì sao Phật bảo Câu Dục là trời, người, A-tu-la, Kiền-đạp-hòa, La-sát, như thế cùng các loài thân khác nhau có hai kiết là keo kiệt và ganh ghét?

Đáp: Nghĩa là sự keo kiệt, ganh ghét là kiết của người giàu sang. Thích-đề-hoàn-nhân kia ở trong hai cõi trời là chủ của sự tăng thượng về giàu sang. Ông ta đã bị sự keo kiệt, ganh ghét ràng buộc tạo thành gánh nặng ấy. Đức Thế Tôn vì nghĩa nhằm chê bai ấy nên mới nói Câu Dục: Trời, người, A-tu-la, Kiền-đạp-hòa, Ca-lưu-la, La-sát, như thế cùng các loài thân khác, có hai kiết là keo kiệt, ganh ghét: Ông đã bị buộc ràng do gánh nặng của sự keo kiệt, ganh ghét.

Hoặc nói: Chính do sự keo kiệt, ganh ghét ấy, nên đã khiến cho

trời, A-tu-la thường chiến đấu với nhau: Thích-đề-hoàn-nhân kia sợ A-tu-la, vì hay bị A-tu-la khuấy rối. Sau khi lìa chỗ chiến đấu không bao lâu, Thích-đề-hoàn-nhân vội đến chỗ Đức Thế Tôn thưa nói nghĩa này: Bạch Thế Tôn! Vì sao trời và A-tu-la thường giao chiến với nhau? Đức Thế Tôn vì ông ta nói nghĩa: Này Câu Dực! Vì keo kiệt, ganh ghét nên trời và A-tu-la thường giao chiến với nhau: Phía các trời thì có nhiều thức ăn thượng vị, còn phía A-tu-la thì có gái đẹp. Chư thiên kia rất keo kiệt về các thức ăn ấy, không muốn cho A-tu-la có được, nhưng đối với người nữ thì muốn mình được. A-tu-la thì lại rất keo kiệt về gái đẹp, không muốn cho chư thiên, còn về thức ăn thì ganh ghét muốn mình đạt được. Trời kia xuống cõi A-tu-la là vì gái đẹp, A-tu-la lên cõi trời là vì thức ăn. Như thế, trời và A-tu-la thường chiến đấu với nhau. Thích-đề-hoàn-nhân kia vì sợ A-tu-la gây rối loạn nên sau thời gian giao đấu không lâu đã đến chỗ của Đức Thế Tôn để hỏi cho ra lẽ: Bạch đấng Đại Tiên! Trời, Người, A-tu-la, Kiên-đạp-hòa, Ca-lưu-la, La-sát, như thế và các loài khác thân cũng có bao nhiêu kiết? Đức Thế Tôn bảo: Này Câu Dực! Trời, Người, A-tu-la, Kiên-đạp-hòa, Ca-lưu-la, La-sát, và các loài thân khác nhau đều có hai kiết: keo kiệt và ganh ghét.

Vì thế, nên sự keo kiệt, ganh ghét nơi mười triển được lập trong chín kiết, không lập các triển khác.

Nói rộng về xứ của chín kiết xong.
